TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2026/DS-ST
Ngày 29 – 4 – 2026
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

2. Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kim Thanh H, sinh năm 1974; Căn cước công dân số: 096174002247, cấp ngày 13/5/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 3, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Mai Chí L và bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 4, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Kim Thanh H (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 20/3/2025 dương lịch (nhằm ngày 21/02/2025 âm lịch), bà cho vợ chồng ông Mai Chí L, bà Trương Thị Ngọc D vay số tiền 30.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận mỗi tháng phải trả cho bà 2.000.000

đồng cho đến khi hết nợ, trường hợp không trả như thỏa thuận thì phải chịu lãi suất. Quá trình vay, vợ chồng ông L tiếp tục vay của bà số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 25/4/2025 dương lịch. Tiếp đến ngày 10/5/2025 dương lịch, vợ chồng ông L vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng.

Cả ba lần vay nêu trên đều có làm biên nhận nhưng không thỏa thuận thời gian trả nợ, lãi suất do hai bên thỏa thuận và tính từ khi vay cho đến nay, tuy đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L vẫn không trả lãi và vốn vay cho bà. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông L, bà D trả cho bà 75.000.000 đồng tiền vốn và yêu cầu tính lãi từ khi vay của từng khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/năm. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác. Đồng thời, do điều kiện nhà xa, việc đi lại gặp khó khăn nên bà H xin vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử vụ án.

Đối với ông Mai Chí L, bà Trương Thị Ngọc D (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thanh H (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn đã có lời khai và xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, không trả lại tiền vốn vay cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nhưng căn cứ các biên nhận nợ tiền vay được lập ngày 20/3/2025, ngày 25/4/2025 và ngày 10/5/2025 dương lịch có chữ ký, chữ viết họ tên của bị đơn đã đủ cơ sở xác định việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn tổng số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ vốn vay nêu trên được chấp nhận.

[4] Đối với việc tính lãi, do bị đơn vắng mặt và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu chứng minh có hay không việc trả lãi trong khi nguyên đơn cho rằng từ khi vay cho đến nay, bị đơn chưa trả lãi và có yêu cầu tính lãi từ khi vay đến nay theo mức lãi suất 20%/năm là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận, cụ thể thời gian tính lãi đối với từng lần vay được tính như sau:

Khoản vay 30.000.000 đồng, tính từ ngày 20/3/2025 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) là: (01 năm 01 tháng 9 ngày X 30.000.000 đồng) X 20%/năm = 6.650.000 đồng.

Khoản vay 25.000.000 đồng, tính từ ngày 25/4/2025 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) là: (01 năm 04 ngày X 25.000.000 đồng) X 20%/năm = 5.055.555 đồng, làm tròn 5.055.500 đồng.

Khoản vay 20.000.000 đồng, tính từ ngày 10/5/2025 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) là: (11 tháng 19 ngày X 20.000.000 đồng) X 20%/năm = 3.877.776 đồng, làm tròn 3.878.000 đồng.

[5] Từ các căn cứ và đánh giá tại [3] và [4], số tiền lãi và vốn nguyên đơn được chấp nhận là 90.583.500 đồng (chín mươi triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Kim Thanh H.

Buộc ông Mai Chí L, bà Trương Thị Ngọc D cùng có trách nhiệm trả cho bà Kim Thanh H các khoản với số tiền là 90.583.500 đồng (chín mươi triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông L cùng bà D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Mai Chí L và bà Trương Thị Ngọc D phải nộp số tiền là 4.529.000 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Kim Thanh H không phải nộp. Ngày 05/3/2026, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002398 được trả lại toàn bộ cho bà H.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân